

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAM RÔNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: .05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2022

V/v “*Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hoàng Rung K’Nhon**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà: **K’Nga**

- bà: **Bùi Thị Là**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thanh** – Cán bộ

Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* - bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021.

*\*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T; Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Có mặt

*\*Bị đơn:* ông Nguyễn Xuân V; Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2021, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì:**

Ngày 17/4/2018, bà và ông Nguyễn Xuân V đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện Đ tỉnh Lâm Đồng. Việc đăng ký kết hôn giữa bà và ông V là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn bà và ông V sống hòa thuận hạnh phúc khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, quan điểm nuôi dạy con cái nên dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí cuộc sống nặng nề. Đỉnh điểm là tháng 8/2020 bà và ông V đã sống ly thân vì cuộc sống chung không thể hòa hợp, không thể hàn gắn được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly

hôn với ông Nguyễn Xuân V.

- Về con chung: bà và ông V có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 15/9/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành, yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

**\* Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại phiên tòa hôm nay thì:**

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời khai của bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, không quan tâm đến nhau. Nay bà T làm đơn ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông bà có 01 người con chung như bà T trình bày. Khi ly hôn ông thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay bà T xin rút yêu cầu đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung, phí ông V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T, ông V không còn khả năng hàn gắn lại được, nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung, giao cho bà T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, ông V cấp dưỡng nuôi con chung với số T 3.000.000 đồng/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân V, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS thì Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ kiện xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Xuân V đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định của pháp luật, việc kết hôn giữa bà T và ông V là hoàn toàn tự nguyện, nên xác định hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Xuân V là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên do cuộc sống hôn nhân của ông bà T và ông V không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tồn tại nhiều mâu thuẫn. Nên bà T và ông V đều có nguyện vọng xin ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông V không còn khả năng để hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T và ông V.

[3] **Về con chung:** Quá trình chung sống bà T và ông V có 01 người con chung là cháu Nguyễn Xuân Vinh, sinh ngày 15/8/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà T và ông V đều thống nhất giao cho bà T có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Xuân Vinh đến tuổi trưởng thành, ông V không phải cấp dưỡng môi con chung, xét thấy việc thỏa thuận giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa bà T và ông V là hoàn toàn phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung:** Ông bà không có tài sản chung nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[5] **Về nợ chung:** Ông bà không có nợ chung nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[6] **Về án phí:** Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên!

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 203, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Xuân V được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân V; Sinh ngày 15/8/2018 cho bà Trần Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về án phí:** Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/3/2022) riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND H. Đ (02);
- CC THADS H. Đ (01);
- UBND xã Đ, huyện Đ (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Rung K' Nhon**